

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 57/2017/DS-ST

Ngày: 27.12.2017

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C- TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017, về Tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất T;

Địa chỉ trụ sở chính: Số 539/18/20, Đường 539, phường P, Quận A, TP. Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thúc D, sinh năm: 1979 – Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hồng V, sinh năm: 1979 – Chức vụ: Phó Giám đốc;

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thu H, sinh năm: 1968;

Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Văn G, sinh năm: 1964;

Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An

(Tất cả đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03.11.2017 và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Hồng V trình bày như sau: Giữa công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất T (Gọi tắt là Công ty T) và bà Nguyễn Thu H – chủ Đại lý Sáu G có thỏa thuận mua bán mặt hàng thuốc thú y thủy sản với nhau. Theo đó, Công ty T giao mặt hàng trên cho bà H bán và bà H có nghĩa vụ thanh

toán tiền cho Công ty T. Theo thỏa thuận, công ty T đã giao mặt hàng thuốc thú y thủy sản cho bà H bán từ ngày 29/3/2015 đến ngày 27/11/2016. Ngày 28/11/2016, hai bên chốt lại công nợ thì bà H còn nợ lại công ty T số tiền 41.216.000 đồng. Công ty T đã nhiều lần nhắc nhở bà H về việc trả nợ nhưng bà H không thực hiện. Nay công ty T khởi kiện yêu cầu bà H và chồng là ông Đặng Văn G hoàn trả số tiền 41.216.000đ (bốn mươi một triệu, hai trăm mười sáu nghìn đồng) trong thời gian 01 tháng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện do trong quá trình giải quyết vụ án, công ty T đã nhận lại số hàng tồn của bà H với giá trị tổng cộng là 1.500.000 đồng nên nay Công ty T chỉ yêu cầu bà H và ông G hoàn trả số tiền còn lại là 39.716.000đ (Ba mươi chín triệu, bảy trăm mười sáu nghìn đồng), yêu cầu trả 01 lần, không yêu cầu tính lãi.

- *Tại phiên hòa giải ngày 17/11/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:* Bà xác nhận T có cung cấp mặt hàng thuốc thú y thủy sản cho Đại lý của bà và hiện nay bà còn thiếu lại tiền hàng của Công ty là 41.216.000đ. Bà đồng ý hoàn trả số tiền còn thiếu cho T tuy nhiên bà không có khả năng hoàn trả trong thời hạn 01 tháng. Bà H yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa, bà H xác nhận sự việc Công ty T đã thu lại số hàng tồn có giá trị 1.500.000đ nên bà còn nợ lại Công ty T số tiền hàng là 39.716.000đ. Hiện nay, bà không có khả năng trả 01 lần nên yêu cầu được trả làm 02 lần cụ thể: trong vòng 1 tháng kể từ ngày xét xử 27/12/2017 sẽ trả 20.000.000đ, tháng tiếp theo sẽ trả số tiền còn lại là 19.716.000đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn G trình bày tại phiên tòa như sau:* Ông là chồng hợp pháp của bà Nguyễn Thu H. Ông biết được sự việc bà H có lấy hàng của công ty T về bán và hiện nay còn nợ lại số tiền hàng là 39.716.000đ. Nay ông đồng ý liên đới cùng bà H trả số tiền trên cho công ty T. Hiện nay ông không có khả năng trả 01 lần nên về cách thức trả nợ ông đồng ý với ý kiến của bà H.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 35, 39, 68, 97, 98, 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Đây là tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

ngợi án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng cũng như nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn G hoàn trả số tiền mua bán còn thiếu 41.216.000đ là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công ty T trình bày từ ngày 29/3/2015 đến ngày 27/11/2016, công ty T đã cung cấp mặt hàng thuốc thú y thủy sản cho Đại lý Sáu G do bà Nguyễn Thu H làm chủ. Sau khi chốt công nợ ngày 28/11/2016 thì bà H còn nợ lại Công ty T số tiền là 41.216.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, công ty T đã đồng ý thu hồi lại số hàng tồn mà bà H chưa bán được với giá thống nhất là 1.500.000đ. Do đó, bà H còn nợ lại số tiền là 39.716.000đ. Bà Nguyễn Thu H xác nhận sự việc trên là đúng. Như vậy, việc bà H – Chủ Đại lý Sáu G nợ công ty T số tiền 39.716.000đ là có thật.

[3] Ông Đặng Văn G là chồng của bà Nguyễn Thu H đồng ý liên đới cùng bà H trả nợ cho Công ty T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về cách thức trả nợ: Bà H yêu cầu được trả 02 lần cụ thể: trong vòng 1 tháng kể từ ngày xét xử 27/12/2017 sẽ trả 20.000.000đ, tháng tiếp theo sẽ trả số tiền còn lại là 19.716.000đ. Việc bà H yêu cầu được trả 02 lần không được công ty T chấp nhận và trong trường hợp này pháp luật cũng không có quy định cho phép trả dần. Vì vậy, áp dụng Điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất T, buộc bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn G trả cho T số tiền 39.716.000đ (Ba mươi chín triệu, bảy trăm mười sáu nghìn đồng). Ghi nhận việc công ty T không yêu cầu tính lãi.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Buộc bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn G liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 147 và Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất T đối với bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn G về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Buộc bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn G có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất T số tiền 39.716.000đ (Ba mươi chín triệu, bảy trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thu H và ông Đặng Văn G liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.985.800 đồng. Hoàn trả cho Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất T số tiền tạm ứng án phí là 1.030.000 đồng tại biên lai số 0000454 ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Lộc